

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 64/2022/ST-HNGĐ

Ngày 16/6/2022.

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Dung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hào;

2. Bà La Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngân Mai Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lựu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Kha Thị H, sinh năm 1994.**

Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã CL, huyện CC, tỉnh NA

Chỗ ở hiện nay: Bản X, xã BC, huyện CC, tỉnh NA - Có mặt.

Bị đơn: **Anh Lương Văn A, sinh năm 1989.**

Địa chỉ: Bản C, xã CL, huyện CC, tỉnh NA – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Kha Thị H trình bày: Chị và anh Lương Văn A kết hôn vào ngày 16/5/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã CL, huyện CC, tỉnh NA, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hòa hợp và anh A thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu nên thường xuyên cãi vã, xích mích, xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống lúc nào cũng lo lắng, bất an nên chị về sinh sống với bố mẹ đẻ và ly thân với anh A từ năm 2019

cho đến nay, còn anh A đi làm công ty, địa chỉ cụ thể thì chị cũng không biết, chị và anh A không còn liên lạc hay quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn A.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung Lương Thị Gia Nh- sinh ngày 12/10/2013, nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng thỏa thuận tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng chị.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh A đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn ly hôn của chị Kha Thị H. Chị H và anh A chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Về con chung: Giao con chung Lương Thị Gia Nh- sinh ngày 12/10/2013 cho chị Kha Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí buộc chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại Bản X, xã BC, huyện CC, tỉnh NA nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh A tại UBND xã CL, huyện Con Cuông cho biết, sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chị H sinh sống ở

địa phương một thời gian ngắn rồi cùng nhau đi làm ăn, hiện tại anh A không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền địa phương cũng không biết vì anh A không cất khẩu tạm trú, tạm vắng. Tại biên bản lấy lời khai bà Vi Thị Hoa - trú tại bản Cai, xã CL, huyện CC, tỉnh NA là mẹ đẻ của anh A cho biết, chị H và anh A sau khi kết hôn đến năm 2016 cùng nhau đi làm công ty được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, chị H thì về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh A thỉnh thoảng có về nhà, còn địa chỉ cụ thể thì bà không biết chỉ nghe nói đi làm công nhân ở Bắc Ninh, bà Hoa đã thông báo cho anh A biết việc chị H làm đơn ly hôn và thông báo cho anh A biết bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án đến tổng đạt cho anh A, bà Hoa cũng khuyên nhủ anh A về để giải quyết việc ly hôn nhưng anh A không về.

Như vậy, bị đơn đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Văn A đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh A theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh A không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy chị Kha Thị H và anh Lương Văn A kết hôn vào ngày 16/5/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã CL, huyện CC, tỉnh NA, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh A là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy chị H và anh A đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa anh A vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương và gia đình bà Vi Thị Hoa mẹ đẻ anh A cho biết: Quá trình kết hôn

và chung sống vợ chồng chị H có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bỏ đi làm ăn mỗi người một nơi. Bà Hoa đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh A biết để về giải quyết ly hôn nhưng anh A không về. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh A không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Kha Thị H được ly hôn với anh Lương Văn A.

Về con chung: Vợ chồng chị H và anh A có 01 người con chung Lương Thị Gia Nh- sinh ngày 12/10/2013. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi con. Do hiện nay anh A không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh A nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con. Xét thấy nguyện vọng của chị H là chính đáng và nguyện vọng của cháu Nh cũng mong muốn được ở cùng với mẹ, để đảm bảo quyền lợi của con nên xét giao con chung cho chị Kha Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Kha Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Kha Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Kha Thị H được ly hôn với anh Lương Văn Ang.

- Về con chung: Giao con chung Lương Thị Gia Nh- sinh ngày 12/10/2013 cho chị Kha Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Lương Văn A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Kha Thị H phải

nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000652 ngày 07/4/2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện Con Cuông;
- Chi cục THADS huyện Con Cuông;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã CL;
- Lưu hồ sơ -VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lữ Thị Dung